



**CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIẾN CHỨNG**

- Vật chất  
=====
- Thuộc tính
- \* Thực tại khách quan
  - \* Tồn tại độc lập với ý thức con người
  - \* Điều kiện / hình thức tồn tại
  - \* Vận động : Sự thay đổi
  - \* Không gian : Trật tự phân bố
  - \* Thời gian : Độ dài diễn biến

- Ý thức  
=====
- Nguồn gốc
- \* Tự nhiên :
  - ⇒ Thuộc tính phản ánh thế giới vào bộ óc con người .
  - ⇒ Sự phản ánh năng động, sáng tạo : Chọn lọc, cải biến, dự báo

- Xã hội
- \* Lao động + Ngôn ngữ

- Mối quan hệ  
=====
- VC có trước
- \* Ý thức là sự phản ánh về VC trong bộ óc con người

- VC quyết định
- \* VC là cơ sở, nguồn gốc để bộ óc phản ánh

- Ý thức tác động ngược lại VC
- \* Sự cải biến

- Hai nguyên lý  
=====
- Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến
- \* Giữa các sự vật hiện tượng, luôn tồn tại sự tác động, ảnh hưởng lẫn nhau
  - \* Liên hệ là sự phụ thuộc lẫn nhau, ảnh hưởng, tương tác và chuyển hóa lẫn nhau
  - \* Mọi sự vật hiện tượng đều nằm trong mối liên hệ với các sự vật hiện tượng khác.

- Nguyên lý về sự phát triển
- \* Quá trình vận động từ thấp đến cao, chưa hoàn thiện đến hoàn thiện
  - \* Tăng, giảm về lượng; nhảy vọt về chất
  - \* Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

- 6 CẤP PHẠM TRÙ CƠ BẢN CỦA PHÉP BIẾN CHỨNG  
=====
- Cái đơn nhất và cái phổ biến (Cái riêng và cái chung)
- \* Cái riêng: là phạm trù triết học dùng để chỉ sự vật hiện tượng, quá trình ...tạo thành 1 chỉnh thể độc lập tương đối với các sự vật hiện tượng, quá trình khác (VD 1 người cụ thể)
  - \* Cái chung: là phạm trù triết học dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính giống nhau được lặp lại trong nhiều cái riêng (sự vật hiện tượng, quá trình...)
  - \* Mối quan hệ cái chung và cái riêng:
  - ⇒ Cái chung nào cũng thuộc về một cái riêng nào đó
  - ⇒ Giữa những cái riêng bao giờ cũng có cái chung, nghĩa là giữa sự vật hiện tượng ít nhất cũng có 1 cái chung.

- Nguyên nhân và kết quả
- \* Nguyên nhân: là phạm trù triết học dùng để chỉ SỰ TÁC ĐỘNG qua lại giữa các mặt, các bộ phận,...hoặc giữa các sự vật hiện tượng GÂY RA SỰ BIẾN ĐỔI nhất định
  - \* Kết quả: là phạm trù triết học dùng để chỉ những biến đổi xuất hiện do nguyên nhân tạo ra.
  - \* Quan hệ:
  - ⇒ - nguyên nhân có trước, kết quả có sau
  - ⇒ - 1 nguyên nhân có thể có nhiều kết quả và 1 kết quả có thể từ nhiều nguyên nhân
  - Có thể phân loại thành:
  - ⇒ - nguyên nhân chủ quan, khách quan
  - ⇒ - nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân thứ yếu
  - ⇒ - nguyên nhân bên trong, bên ngoài
  - \* - Giải pháp và biện pháp
  - ⇒ - Giải pháp để hóa giải nguyên nhân.
  - ⇒ - Biện pháp là để đề ra giải pháp trong tình huống cụ thể.

- Tất nhiên và ngẫu nhiên
- \* Tất nhiên: là phạm trù triết học dùng để chỉ sự vật hiện tượng, quá trình ...được sinh ra từ nguyên nhân chủ yếu BÊN TRONG của sự vật hiện tượng, là kết quả lặp lại (quy luật)
  - \* Ngẫu nhiên: là phạm trù triết học dùng để chỉ sự vật hiện tượng, quá trình ...được sinh ra từ nguyên nhân BÊN NGOÀI của sự vật hiện tượng, do sự ngẫu hợp tác động
  - \* Quan hệ: cái ngẫu nhiên thể hiện cái tất nhiên
  - \* --> Thế giới này là thế giới của ngẫu nhiên, mọi thứ đều liên quan đến xác suất.

- Nội dung và hình thức
- \* Nội dung: là phạm trù triết học dùng để chỉ tổng hợp các mặt, các yếu tố, các quá trình tạo nên sự vật
  - \* Hình thức: là phạm trù triết học dùng để chỉ phương thức, cách thức tồn tại, phát triển của sự vật hiện tượng; là cách thức sắp xếp của nội dung
  - \* Quan hệ: biện chứng, thống nhất; hình thức nào cũng chứa những nội dung nhất định. Nội dung quy định hình thức, hình thức ảnh hưởng nội dung. Sự thay đổi nội dung hoặc hình thức làm cho nó không còn là nó.

- Bản chất và hiện tượng
- \* Bản chất: là phạm trù triết học dùng để chỉ tổng hợp tất cả các mặt, các mối liên hệ TẤT NHIÊN, tương đối ổn định bên trong sự vật, quy định sự vận động, phát triển của sự vật. Không thể sờ thấy mà phải nhờ vào tư duy (phán đoán, suy luận từ các hiện tượng ngẫu nhiên, các mối liên hệ).
  - \* Hiện tượng: là phạm trù triết học chỉ cái biểu hiện bên ngoài của bản chất
  - \* Mối liên hệ: thống nhất trong sự vật; bản chất được bộc lộ qua hiện tượng; hiện tượng thể hiện bản chất; hiện tượng luôn phong phú, biến đổi hơn bản chất

- Hiện thực và khả năng
- \* Hiện thực: là phạm trù triết học dùng để chỉ mọi cái đang tồn tại thực sự trong tự nhiên, xã hội
  - \* Khả năng: là phạm trù triết học dùng để chỉ những cái CÓ THỂ XẢY RA trong tương lai khi có các điều kiện và tương ứng và tiền đề mầm mống
  - \* Mối quan hệ: khả năng chỉ trở thành hiện thực khi có các điều kiện tiền đề tương ứng

- 3 QUY LUẬT CƠ BẢN CỦA PHÉP BIẾN CHỨNG DUY VẬT  
=====
- 1-- Quy luật chuyển hoá từ thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất
- \* - Khái niệm chất: là phạm trù triết học chỉ tập hợp các THUỘC TÍNH khách quan, vốn có của sự vật hiện tượng; là sự THỐNG NHẤT HỮU CƠ các thuộc tính quy định sự vật nó là nó mà không phải sự vật khác.
  - \* - Khái niệm lượng: là phạm trù triết học chỉ tập hợp các thuộc tính khách quan của sự vật, hiện tượng về mặt QUY MÔ, MỨC ĐỘ, biểu hiện LƯỢNG (con số) các thuộc tính
  - \* VD: chất và lượng của phát triển kinh tế; nguồn nhân lực;
  - \* Nội dung quy luật:
  - ⇒ - Sự thống nhất biện chứng giữa chất là lượng trong cùng sự vật hiện tượng
  - ⇒ - Sự thay đổi của lượng: - Chưa thay đổi về chất (độ); - Thay đổi đủ làm thay đổi chất (điểm nút-ngưỡng)
  - ⇒ - Ý nghĩa: nhận thức cả chất và lượng; tích lũy thay đổi lượng để có thay đổi chất; chống tả khuynh và hữu khuynh

- 2-- Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
- \* - Mặt đối lập: là những mặt có khuynh hướng, thuộc tính biến đổi phát triển trái ngược nhau trong cùng sự vật, hiện tượng.
  - \* - Sự thống nhất các mặt đối lập: làm tiền đề cho nhau tồn tại; tác động cân bằng; có điểm chung, tương đồng.
  - \* - Mâu thuẫn biện chứng là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt đối lập.
  - \* - Sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động, phát triển, sự tiêu vong và sự xuất hiện mới của các sự vật hiện tượng.
  - \* - Mâu thuẫn là khách quan
  - \* - Phân loại:
  - ⇒ - Mâu thuẫn cơ bản (quy định bản chất của sự vật hiện tượng)
  - ⇒ - Mâu thuẫn chủ yếu (tại thời điểm phát triển);
  - ⇒ - Mâu thuẫn đối kháng (lợi ích các nhóm không thể điều hoà);

- 3-- Quy luật phủ định của phủ định
- \* - Phủ định: chỉ sự thay thế sự vật bằng sự vật khác trong quá trình vận động phát triển
  - \* - Phủ định siêu hình, sạch trơn
  - \* - Phủ định biện chứng, tự phủ định (kết quả giải quyết mâu thuẫn nội tại)
  - \* - Quy luật: phủ định của phủ định là tiền đề cho sự phát triển; tính chu kỳ

